

Bản án số: 633/2017/DS-ST
Ngày: 18/9/2017.
Về việc tranh hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành H

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Minh T
- Ông Phạm Nguyễn Anh T

- Thư ký phiên tòa : Ông Hoàng Hải Đ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy A – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1735/2017/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1999/2017/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Kim P; địa chỉ: Số 123/953A Nguyễn K, Phường B, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quang M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 007307 ngày 17/8/2016); địa chỉ: Số 30 Nguyễn Văn C, Phường B, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Bị đơn: 1. Ông Trần Quốc T
2. Bà Huỳnh Thị Thúy V

Cùng địa chỉ: Số 269/12 đường T, Phường M, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí

Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Quang M trình bày:

Vào ngày 16/9/2015 bà Dương Thị Kim P có cho vợ chồng ông Trần Quốc T và bà Huỳnh Thị Thúy V vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, hai bên có lập văn bản (hợp đồng thế chấp) ghi rõ số tiền vay, lãi suất tự thỏa thuận và bên vay phải trả lãi vào ngày 16 (DL) dương lịch hàng tháng, mức lãi suất hai bên thỏa thuận với nhau là 3,5%/tháng (không lập văn bản). Ông T và bà V có thế chấp cho bà P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 783479 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp cho ông T và bà V ngày 06/6/2014. Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 17/7/2017 ông M có trình bày ý kiến khi ông T và bà V vay tiền có thế chấp căn nhà số 269/12 đường T, Phường M, quận Gò Vấp do ông T và bà V đứng chủ quyền và có giao bản chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông T và bà V cho bà P giữ. Hai bên thỏa thuận khi ông T và bà V trả đủ số nợ vay và tiền lãi thì bà P trả lại giấy tờ nhà đất trên cho ông T và bà V. Đến ngày 02/01/2016 bà P cho ông T và bà V vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng không thỏa thuận lãi suất. Từ khi vay nợ đến nay ông T và bà V không thanh toán nợ gốc cũng như tiền lãi. Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn cũng như tại bản tự khai của ông M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông T và bà V trả cho bà P số nợ gốc và lãi là tổng cộng là 170.000.000 đồng. Trong đó nợ gốc hai đợt vay là 120.000.000 đồng và tiền lãi 50.000.000 đồng (Tiền lãi được tính: $120.000.000 \text{ đồng} \times 3.5\% \times 12 \text{ tháng} = 54.000.000 \text{ đồng}$ và làm tròn tiền lãi 50.000.000 đồng). Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2017, các biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 17/7/2017 và ngày 07/8/2017 ông M yêu cầu ông T và bà V trả cho bà P tổng số tiền còn nợ là 162.000.000 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc hai đợt vay là 120.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi 12 tháng của số nợ vay 100.000.000 đồng, ngày 16/9/2015 được tính lãi là 42.000.000 đồng. Ông M rút lại một phần yêu cầu bị đơn trả lãi đối với số nợ vay 20.000.000 đồng cụ thể tiền lãi là 8.000.000 đồng. Ông M giải trình thêm về cách tính tiền lãi của nguyên đơn khi khởi kiện như sau: Số tiền $100.000.000 \text{ đồng} \times 3.5\% \times 12 \text{ tháng} = 42.000.000 \text{ đồng}$ (tiền lãi); số tiền nợ $20.000.000 \text{ đồng} \times 3.5\% \times 12 \text{ tháng} = 8.400.000 \text{ đồng}$ (tiền lãi) và số lãi 8.400.000 đồng được làm tròn 8.000.000 đồng. Ông M yêu cầu bị đơn trả nợ cho nguyên đơn làm 01 lần sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Sau khi ông T và bà V trả đủ số nợ gốc 100.000.000 đồng vay ngày 16/9/2015 cùng với tiền lãi 42.000.000 đồng cho bà P thì bà P trả lại cho ông T và bà V giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BT 783479 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp cho ông T và bà V ngày 06/6/2014.

Đối với bà Đỗ Thị H có ký vào hợp đồng thế chấp bảo lãnh cho ông T và bà V về khoản nợ vay. Trong vụ kiện này bà P cũng như ông M là người đại diện theo ủy quyền cho bà P không yêu cầu gì đối với bà Hoa. Ông M đề nghị Tòa án không đưa bà H vào tham gia vụ kiện. Sau này nếu giữa bà P và bà H có tranh chấp gì thì họ tự giải quyết với nhau hoặc yêu cầu giải quyết trong một vụ kiện khác.

Ông M xác định khoản tiền 120.000.000 đồng bà P cho ông T và bà V vay là tài sản riêng của bà P, ông Bùi Thanh TH là chồng của bà P không liên quan. Bà P và ông TH có đến Tòa trình bày bản khai xác định số tiền 120.000.000 đồng này là tài sản riêng của bà P, ông TH không liên quan. Bà P, ông TH và ông M đề nghị không đưa ông TH vào tham gia vụ kiện.

Về địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ cư trú của bị đơn theo đơn khởi kiện tại địa chỉ: Số 291/12 đường T, Phường M, quận Gò Vấp. Kết quả xác minh của Công an Phường M, quận Gò Vấp, theo phiếu yêu cầu xác minh ngày 22/3/2017 của Tòa án thể hiện “*Tại khu phố B, Phường M, quận Gò Vấp không có số nhà 291/12 đường T Phường M, quận Gò Vấp*”. Vào ngày 30/5/2017 ông Minh cung cấp lại địa chỉ của bị đơn tại địa chỉ: số 269/12 đường T, Phường M, quận Gò Vấp. Kết quả xác minh của Công an Phường M, quận Gò Vấp theo phiếu yêu cầu xác minh ngày 15/6/2017 của Tòa án có nội dung “*Ông: Trần Quốc T và bà Huỳnh Thị Thúy V có đăng ký tạm trú tại số 269/12 đường T Phường M, quận Gò Vấp. Tháng 4/2017 ông T và bà V bán nhà đi khỏi địa phương không rõ địa chỉ nơi đến*”. Ông M không cung cấp được địa chỉ nào khác của bị đơn. Tòa án niêm yết các văn bản của Tòa cho bị đơn tại địa chỉ: 269/12 đường T, Phường M, quận Gò Vấp theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông T và bà V không đến Tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Ông T và bà V vắng mặt trong các buổi mời làm việc tại Tòa án cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của ông T và bà V cũng như Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào các ngày 17/7/2017 và ngày 07/8/ và đã gửi thông báo kết quả các phiên họp cho ông T và bà V.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Ông M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà V trả cho bà P số nợ gốc 120.000.000 đồng và trả 12 tháng tiền lãi của số nợ gốc 100.000.000 đồng vay ngày 16/9/2015. Đối với yêu cầu trả 12 tháng tiền lãi của số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, ông M xin thay đổi yêu cầu về mức lãi suất áp dụng tính tiền lãi. Cụ thể, ông M yêu cầu áp dụng theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy

định tại thời điểm xét xử. Yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi làm 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông M thừa nhận hiện nay bà P đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành giấy chứng nhận BT 783479, sổ vào sổ cấp GCN: CH 05069 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp cho ông T và bà V ngày 06/6/2014, bà P đồng ý trả lại cho ông T và bà V ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi 8.000.000 đồng của số nợ gốc 20.000.000 đồng bị đơn vay ngày 02/01/2016.

- Ông T và bà V vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Tại Hợp đồng thế chấp ngày 16/9/2015 bà P cho ông T và bà V mượn số tiền 100.000.000 đồng, trả lãi hàng tháng. Đến ngày 02/01/2016 bà P cho ông T và bà V vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, không thỏa thuận lãi suất. Ông T và bà V thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT783479 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp ngày 06/6/2014 cho ông T và bà V. Do ông T và bà V không trả tiền nợ gốc và lãi cho bà P nên bà P khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng là có cơ sở;

- Đối với yêu cầu tiền lãi áp dụng mức lãi suất 3,5%/tháng đối với số tiền vay 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn thay đổi yêu cầu, yêu cầu áp dụng tính lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước. Việc thay đổi của người đại diện nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đối với tiền lãi tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Bà Dương Thị Kim P có đơn khởi kiện ông Trần Quốc T và bà Huỳnh Thị Thúy V về yêu cầu ông T và bà V trả khoản nợ vay và tiền lãi là 162.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp hai bên đã ký kết ngày 16/9/2015 và ngày 02/01/2016 là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định của Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Ông T và bà V có địa chỉ cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là ông Trần Quốc T và bà Huỳnh Thị Thúy V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Ông M là người đại diện theo ủy quyền của bà P cũng như ông TH, bà P đều xác nhận ông TH và bà P là vợ chồng, số tiền 120.000.000 đồng bà P cho ông T và bà V vay là tài sản riêng của bà P, ông TH không liên quan và có đề nghị Tòa án không đưa ông TH vào tham gia vụ kiện. Bà P là nguyên đơn và ông M đều không có yêu cầu gì đối với bà Đỗ Thị H (là người ký bảo lãnh khoản vay cho bị đơn trong hợp đồng thế chấp), ông M có đề nghị Tòa án không đưa bà H vào tham gia vụ kiện. Xét thấy việc đưa ông T và bà H vào tham gia vụ kiện là không cần thiết nên không đưa ông T và bà H vào tham gia tố tụng trong vụ kiện này.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Hợp đồng thế chấp ngày 16/9/2015 thể hiện nội dung ông T và bà V (bên B) thế chấp căn nhà 269/12 đường T, Phường M, quận Gò Vấp do ông T và bà V là chủ sở hữu cho bà P (bên A) với số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, có thỏa thuận lãi, ông T và bà V trả lãi vào ngày 06 (DL) dương lịch hàng tháng, hai bên còn thỏa thuận nội dung ông T và bà V trả đủ vốn và lãi thì bà P trả lại giấy tờ. Vào ngày 02/01/2016 ông T và bà V có ký vào hợp đồng thế chấp trên nhận thêm số tiền của bà P là 20.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, không thỏa thuận lãi. Hợp đồng thế chấp trên có chữ ký của ông T và bà V. Nội dung của hợp đồng thế chấp đã thể hiện việc ông T và bà V nhận tiền của bà P hai đợt với tổng số tiền là 120.000.000 đồng là có thật. Ông T và bà V không trả nợ như thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm về thời hạn trả nợ. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ gốc của hai đợt vay là 120.000.000 đồng là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp với quy định tại Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự

năm 2005. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà P buộc ông T và bà V trả cho bà P tổng số tiền nợ gốc của hai đợt vay là 120.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả 12 tháng tiền lãi của khoản tiền nợ gốc 100.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp ký ngày 16/9/2015. Hội đồng xét xử nhận thấy tại hợp đồng thế chấp ngày 16/9/2015 thể hiện khoản tiền nợ gốc 100.000.000 đồng có thỏa thuận trả lãi. Theo hợp đồng thì lãi suất do hai bên tự thỏa thuận và ông T và bà V phải trả lãi cho bà P vào ngày 16 dương lịch. Do ông T và bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà P yêu cầu tính tiền lãi 12 tháng của số nợ gốc 100.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp ký ngày 16/9/2015 là có cơ sở chấp nhận.

Ông M yêu cầu xin thay đổi mức lãi suất áp dụng tính tiền lãi đối với bị đơn. Cụ thể, theo yêu cầu của nguyên đơn tại đơn khởi kiện và yêu cầu của ông Minh trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu 12 tháng tiền lãi của số nợ gốc 100.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp ký ngày 16/9/2015 với mức lãi suất áp dụng 3,5%/tháng và số tiền lãi được tính là 42.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông Minh xin thay đổi mức lãi suất áp dụng tính tiền lãi đối với bị đơn, áp dụng theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực ngày 01/12/2010 mức lãi suất cơ bản hiện nay đang được áp dụng là 9%/năm (0,75%/tháng). So với mức lãi suất ban đầu nguyên đơn yêu cầu là 3,5%/tháng thì việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận. Như vậy, ông T và bà V phải trả cho bà P 12 tháng tiền lãi của số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp ký ngày 16/9/2015 là $100.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 0,75\%/\text{tháng} (9\%/năm) = 9.000.000 \text{ đồng}$.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về thời gian trả nợ. Sau khi bị đơn vay số tiền gốc 120.000.000 đồng cho đến nay bị đơn chưa trả nợ gốc cũng như chưa trả tiền lãi đã gây ra thiệt hại cho nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về thời gian trả nợ, yêu cầu bị đơn trả nợ làm một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành giấy chứng nhận BT 783479, số vào sổ cấp GCN: CH 05069 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp cho ông T và bà V ngày 06/6/2014. Mặc dù bị đơn không đến Tòa nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn đối với giấy tờ trên, nhưng ông M đã thừa nhận hiện nay bà P đang giữ và bà P đồng ý trả lại cho ông T và bà V ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà P tự nguyện trả lại cho ông T và bà V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành giấy chứng nhận BT 783479, số vào sổ cấp

GCN: CH 05069 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp cho ông T và bà V ngày 06/6/2014 ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi của số nợ gốc 20.000.000 đồng vay ngày 02/01/2016 với khoản tiền lãi là 8.000.000 đồng (Khoản tiền lãi được ông M tính như sau: 20.000.000 đồng x 3.5% x 12 tháng = 8.400.000 đồng và số tiền lãi 8.400.000 đồng được tính tròn là 8.000.000 đồng). Mặc dù trong đơn khởi kiện của bà P và tại bản tự khai của ông M đã yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng tại biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 28/6/2017, tại các biên bản không tiến hành hòa giải ngày 17/7/2017 và ngày 07/8/2017 ghi nhận ý kiến của ông M và tại phiên Tòa ông M rút lại yêu cầu nói trên. Xét thấy việc rút yêu cầu của ông M là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả khoản tiền lãi 8.000.000 đồng (Tiền lãi của số nợ gốc 20.000.000 đồng vay ngày 02/01/2016); nếu sau này có khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là 6.450.000 đồng (Án phí được tính: 129.000.000 đồng x 5% = 6.450.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147, Điều 220, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471; Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc ông Trần Quốc T và bà Huỳnh Thị Thúy V có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị Kim P số tiền 129.000.000 đ (Một trăm hai mươi chín triệu đồng).

Trong đó tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi là 9.000.000 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Dương Thị Kim P trả lại cho ông Trần Quốc T và bà Huỳnh Thị Thúy V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành giấy chứng nhận BT 783479, sổ vào sổ cấp GCN: CH 05069 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp cho ông T và bà V ngày 06/6/2014 ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Dương Thị Kim P về việc yêu ông Trần Văn T và bà Huỳnh Thị Thúy V trả tiền lãi 8.000.000 đồng (Tiền lãi của khoản nợ gốc 20.000.000 đồng). Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Quốc T và bà Huỳnh Thị Thúy V phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 6.450.000 đ (Sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bà Dương Thị Kim P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000 đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0017955 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nghĩa vụ thi hành án:

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

Lê Thị Thành H